

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát
thủ tục hành chính 6 tháng đầu năm 2017

Số: 5337
ĐẾN Ngày: 29/5/2017
Chuyển: 9/6/17

Thực hiện Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính, UBND tỉnh Sóc Trăng báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) 6 tháng đầu năm 2017, như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đánh giá tác động quy định TTHC

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong 6 tháng đầu năm 2017 không phát sinh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh có quy định TTHC.

2. Công bố, công khai, nhập dữ liệu TTHC vào cơ sở dữ liệu quốc gia

Trên cơ sở các Quyết định công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa của các Bộ, ngành và quy định có liên quan trong văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tư pháp đã phối hợp với các sở, ngành chức năng tổ chức kiểm tra chất lượng và trình UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 25 Quyết định công bố đối với 287 TTHC, trong đó:

- + Quy định mới: 79 TTHC;
- + Sửa đổi, bổ sung: 89 TTHC;
- + Bãi bỏ, hủy bỏ: 119 TTHC.

Tổ chức nhập dữ liệu, thực hiện việc “địa phương hóa” TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC đối với các TTHC đã được công bố và ban hành 11 văn bản yêu cầu Cục Kiểm soát thủ tục hành chính công khai 116 TTHC, không công khai 119 TTHC.

(Kèm theo Biểu số 04b/BTP/KSTT/KTTH).

3. Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Nhằm kịp thời phát hiện và kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định, TTHC chưa phù hợp, không cần thiết, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định và thực hiện TTHC,

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 23/01/2017 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2017 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng để rà soát, đánh giá các TTHC thuộc 19 lĩnh vực như: thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh, lưu thông hàng hóa trong nước, môi trường, tài nguyên khoáng sản, địa chất, khám, chữa bệnh,...

Thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2017 trên địa bàn tỉnh, các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đã xây dựng Kế hoạch, tổ chức triển khai việc rà soát, đánh giá TTHC, nhóm TTHC, tính chi phí tuân thủ TTHC và tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá, gửi về Sở Tư pháp trước ngày 30/6/2017 để xem xét, đánh giá chất lượng trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh thông qua phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC.

4. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Việc giải quyết hồ sơ TTHC được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện, hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn chiếm tỷ lệ cao. Trong 6 tháng đầu năm 2017, toàn tỉnh đã tiếp nhận 345.860 hồ sơ TTHC, trong đó có 334.801 hồ sơ mới tiếp nhận; 1.059 hồ sơ từ kỳ báo cáo trước chuyên qua. Kết quả giải quyết TTHC có 334.608 hồ sơ đã giải quyết (trong đó: 334.435 hồ sơ giải quyết đúng hạn; 173 hồ sơ giải quyết quá hạn); 11.252 hồ sơ đang giải quyết (trong đó: 11.235 hồ sơ chưa đến hạn; 17 hồ sơ đã quá hạn).

(Kèm theo Biểu số 07đ/BTP/KSTT/KTTH và 07g/BTP/KSTT/KTTH).

5. Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Trong thời gian qua, việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị đã thực hiện tốt việc công khai địa chỉ tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính. Trong 6 tháng đầu năm 2017, tỉnh chưa tiếp nhận trường hợp phản ánh, kiến nghị nào của cá nhân, tổ chức.

6. Công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Các cơ quan, đơn vị tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến về công tác kiểm soát TTHC, cải cách hành chính bằng nhiều hình thức như: Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang tin điện tử của các sở, ngành, UBND cấp huyện; tổ chức phát sóng chuyên đề cải cách hành chính trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; đăng tải các tin, bài có liên quan đến cải cách hành chính trên Báo Sóc Trăng và thông qua các cuộc họp, hội nghị, các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ...

7. Một số nội dung khác

a) Kiện toàn Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính và thiết lập hệ thống cán bộ đầu mối tại các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã.

Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Sở Tư pháp được kiện toàn và hoạt động với 03 biên chế. Trên cơ sở hệ thống cán bộ đầu mối thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận tại

Quyết định số 436/QĐTC-CTUBND ngày 12/11/2013, Quyết định số 2670/QĐ-UBND ngày 02/11/2016, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thay đổi 05 cán bộ đầu mối thực hiện công tác kiểm soát TTHC là cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã và cán bộ đầu mối tại Sở Tài chính do chuyển công tác khác.

b) Công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản triển khai nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại địa phương (Quy chế, Quy trình, Kế hoạch...)

Ngay từ cuối năm 2016 và đầu năm 2017, UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch để triển khai công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh, đồng thời ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ tại Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015 và Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính.

c) Công tác kiểm tra

Để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những thiếu sót, khuyết điểm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 18/01/2017 về theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2017. Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch liên ngành về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp và thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2017.

Bên cạnh đó, Sở Nội vụ tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2017 và Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 về việc thành lập Đoàn Kiểm tra công vụ tỉnh và ban hành Quy chế hoạt động của Đoàn Kiểm tra công vụ tỉnh Sóc Trăng.

d) Kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ; trong thời gian qua các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước, nhất là trong giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức (Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện cấp đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử cho 285 doanh nghiệp, tăng 356,25% so cùng kỳ; Sở Giao thông vận tải đã ứng dụng công nghệ mới trong việc cấp, đổi giấy phép lái xe bằng vật liệu PET...); đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong giải quyết TTHC, thực hiện các quy định về công bố, công khai, minh bạch TTHC và giải quyết phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức.

đ) Hoạt động đôn đốc, tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát TTHC:

Thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Sở Tư pháp đã xây dựng kế hoạch cụ thể và tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát TTHC cho các đại biểu là cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh, thường xuyên liên hệ, đôn đốc, nhắc nhở cán bộ đầu mối tham mưu cho thủ trưởng cơ quan và phối hợp chặt chẽ với các phòng, công chức chuyên môn thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung

Trong 06 tháng đầu năm 2017, UBND tỉnh đã ban hành đồng bộ các kế hoạch, văn bản chỉ đạo thực hiện kiểm soát TTHC cùng với sự phấn đấu nỗ lực của các cơ quan đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức, góp phần đưa công tác kiểm soát TTHC đi vào nề nếp. Đáng lưu ý công tác cập nhật, công bố TTHC được các sở, ngành thực hiện thường xuyên; niêm yết, công khai TTHC bằng nhiều hình thức đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tìm hiểu, thực hiện, giám sát việc thực hiện TTHC; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành...

2. Một số mặt hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm soát TTHC còn bộc lộ một số khó khăn, hạn chế như:

- Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại địa phương chưa đạt mục tiêu đề ra.

- Một số Bộ, ngành Trung ương chậm ban hành Quyết định công bố TTHC theo các văn bản quy định mức thu phí, lệ phí có hiệu lực trong năm 2017, gây khó khăn cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong việc dự thảo Quyết định công bố TTHC áp dụng tại tỉnh. Bên cạnh đó, vẫn còn một số cơ quan chưa thực hiện nghiêm việc thông kê, cập nhật TTHC thực hiện tại địa phương theo các Quyết định công bố TTHC của Bộ, cơ quan ngang Bộ để trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố.

* Nguyên nhân của hạn chế nêu trên là do:

- Tâm lý ngại va chạm, chưa hiểu biết đầy đủ về quy định hành chính của cá nhân, tổ chức nên khi gặp khó khăn trong thực hiện TTHC thường không phản ánh kịp thời đến các cơ quan có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

- Công tác kiểm soát TTHC có khối lượng công việc tương đối lớn với yêu cầu hết sức chi tiết, cụ thể trong khi cán bộ đầu mối thực hiện công tác kiểm soát TTHC làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi nên việc triển khai thực hiện công tác này tại một số cơ quan, đơn vị chưa kịp thời, chưa đầy đủ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát TTHC trong năm 2017, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc những nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 08/9/2015 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách TTHC.

2. Kịp thời công bố, công khai đầy đủ TTHC để đáp ứng yêu cầu của cá nhân, tổ chức trong việc tìm hiểu, tra cứu TTHC, đảm bảo quyền giám sát của cá nhân, tổ chức đối với quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC của cán bộ, công chức.

3. Thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC đạt yêu cầu, mục tiêu và tăng cường kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Để giúp địa phương tiếp tục duy trì, phát huy những kết quả đạt được, UBND tỉnh Sóc Trăng đề nghị Văn phòng Chính phủ tiếp tục đôn đốc các Bộ, ngành kịp thời ban hành Quyết định công bố TTHC theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp; đồng thời nhập dữ liệu TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, làm cơ sở cho địa phương ban hành quyết định công bố và công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Trên đây là tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC 6 tháng đầu năm 2017 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, xin báo cáo Văn phòng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Cục Công tác phía Nam (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- BQL các Khu công nghiệp tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: HC, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thành Trí



Biểu số 04b/BTP/KSTT/KTTH

Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP

ngày 02/2014.

Ủy ban nhân dân báo cáo (BC):

**SỐ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ,
CÔNG KHAI TẠI TỈNH SÓC TRĂNG**

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2017

(Kèm theo Báo cáo số 93 /BC-UBND ngày 26 /5./2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Sóc Trăng

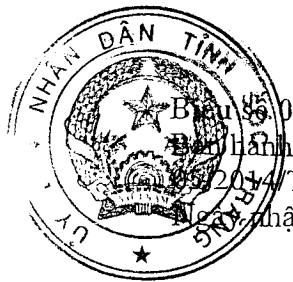
Đơn vị nhận báo cáo:

Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát
TTHC)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố					Số lượng văn bản đề nghị mở công khai/không công khai	Số VBQPPL, TTHC đề nghị công khai/không công khai			
			Số VBQPPL	Số TTHC			VBQPPL		TTHC			
				Tổng số	Chia ra				Quy định mới; được sửa đổi bổ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)		
					Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung					Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	
	Tổng số	25	0	287	79	89	119	11	0	0	166	119
1	Sở Y tế	06	0	42	27	0	15	02	0	0	25	15
2	Sở Nội vụ	02	0	06	0	03	03	01	0	0	03	03
3	Sở Công Thương	02	0	40	11	14	15	01	0	0	25	15
4	Sở Tư pháp	07	0	123	0	60	63	03	0	0	60	63
5	Thanh tra tỉnh	05	0	38	21	08	09	03	0	0	29	09
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	02	0	32	18	0	14	01	0	0	18	14
7	Sở Thông tin và Truyền thông	01	0	06	02	04	0	0	0	0	6	0





Báo số 07đ/BTP/KSTT/KTTH
 hành theo Thông tư số
 2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.
 ngày nhận báo cáo (BC):

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH
 CHÍNH TẠI TỈNH SÓC TRĂNG**
 Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2017
 (Kèm theo Báo cáo số 93 /BC-UBND ngày 26 /5./2017 của
 Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Sóc Trăng
 Đơn vị nhận báo cáo:
 Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	37.285	718	36.567	28.139	28.137	02	9.146	9.146	0	
I	TTHC do Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết TTHC	964	35	929	909	908	01	55	55	0	
1	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	695	02	693	694	693	01	01	01	0	
2	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	40	0	40	37	37	0	03	03	0	
3	Lĩnh vực Dầu khí	31	05	26	30	30	0	01	01	0	
4	Lĩnh vực Hóa chất	03	0	03	03	03	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	22	03	19	21	21	0	01	01	0	
6	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	172	25	147	123	123	0	49	49	0	
7	Lĩnh vực Điện	01	0	01	01	01	0	0	0	0	
II	TTHC do Sở Tư pháp tiếp nhận, giải quyết TTHC	1.588	99	1.489	1.447	1.447	0	141	141	0	
1	Lĩnh vực Tư vấn pháp luật	415	0	415	415	415	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số lý trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trá đúng thời hạn	Trá quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý	22	0	22	22	22	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Luật sư	02	0	02	02	02	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp	1.149	99	1.050	1.008	1.008	0	141	141	0	
III	TTHC do Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết TTHC	1.269	0	1.269	1.254	1.254	0	15	15	0	
1	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp	1.212	0	1.212	1.197	1.197	0	15	15	0	
2	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã (liên hiệp hợp tác xã)	08	0	08	08	08	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Đấu thầu	34	0	34	34	34	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam	15	0	15	15	15	0	0	0	0	
IV	TTHC do Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, giải quyết TTHC	173	38	135	121	121	0	52	52	0	
1	Lĩnh vực Đất đai	106	34	72	79	79	0	27	27	0	
2	Lĩnh vực Tài nguyên nước	51	01	50	30	30	0	21	21	0	
3	Lĩnh vực Môi trường	16	03	13	12	12	0	04	04	0	
V	TTHC do Sở Nội vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC	326	06	320	321	321	0	05	05	0	
1	Lĩnh vực Thi đua khen thưởng	178	02	176	176	176	0	02	02	0	
2	Lĩnh vực Tôn giáo	137	03	134	135	135	0	02	02	0	
3	Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ	06	01	05	05	05	0	01	01	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
4	Lĩnh vực Tổ chức, biên chế	05	0	05	05	05	0	0	0	0	
VI	TTHC do Sở Xây dựng tiếp nhận, giải quyết TTHC	209	14	195	154	154	0	55	55	0	
1	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	56	0	56	36	36	0	20	20	0	
2	Lĩnh vực Xây dựng	153	14	139	118	118	0	35	35	0	
VII	TTHC do Sở Y tế tiếp nhận, giải quyết TTHC	267	70	197	171	171	0	96	96	0	
1	Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh	205	31	174	109	109	0	96	96	0	
2	Lĩnh vực Dược phẩm	61	39	22	61	61	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Y tế dự phòng	01	0	01	01	01	0	0	0	0	
VIII	TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, giải quyết TTHC	11	0	11	11	11	0	0	0	0	
1	Lĩnh vực Khoa học và công nghệ	08	0	08	08	08	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực An toàn bức xạ và hạt nhân	01	0	01	01	01	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	02	0	02	02	02	0	0	0	0	
IX	TTHC do Ban QL các Khu công nghiệp tiếp nhận, giải quyết TTHC	04	0	04	04	04	0	0	0	0	
1	Lĩnh vực Xây dựng	02	0	02	02	02	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2	Lĩnh vực Đầu tư	02	0	02	02	02	0	0	0	0	
X	TTHC do Sở Tài chính tiếp nhận, giải quyết TTHC	150	24	126	123	122	01	27	27	0	
1	Lĩnh vực Tài chính	04	03	01	01	0	01	03	03	0	
2	Lĩnh vực Giá	87	13	74	75	75	0	12	12	0	
3	Lĩnh vực Quản lý quỹ ngân sách, quỹ dự trữ nhà nước và các quỹ tài chính khác tại Kho bạc Nhà nước	43	08	35	31	31	0	12	12	0	
4	Lĩnh vực khác	16	0	16	16	16	0	0	0	0	
XI	TTHC do Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp nhận, giải quyết TTHC	7.067	0	7.067	7.052	7.052	0	15	15	0	
1	Lĩnh vực Nông nghiệp	6.260	0	6.260	6.245	6.245	0	15	15	0	
2	Lĩnh vực Thủy sản	674	0	674	674	674	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Lâm nghiệp	133	0	133	133	133	0	0	0	0	
XII	TTHC do Sở Lao động TBXH tiếp nhận, giải quyết TTHC	234	0	234	228	228	0	06	06	0	
1	Lĩnh vực Người có công	205	0	205	199	199	0	06	06	0	
2	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	01	0	01	01	01	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Lao động – tiền lương	22	0	22	22	22	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp	01	0	01	01	01	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Việc làm	05	0	05	05	05	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
XIII	TTHC do Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, giải quyết TTHC	41	0	41	41	41	0	0	0	0	
1	Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	01	0	01	01	01	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Xuất bản	40	0	40	40	40	0	0	0	0	
XIV	TTHC do Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, giải quyết TTHC	16.379	432	15.947	15.781	15.781	0	598	598	0	
1	Lĩnh vực Đường bộ	16.320	432	15.888	15.722	15.722	0	598	598	0	
2	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	59	0	59	59	59	0	0	0	0	
XV	TTHC do Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, giải quyết TTHC	8.182	0	8.182	105	105	0	8.077	8.077	0	
1	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	16	0	16	16	16	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Hệ thống văn bằng chứng chỉ	89	0	89	89	89	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Quy chế thi, tuyển sinh	8.077	0	8.077	0	0	0	8.077	8.077	0	
XVI	TTHC do Thanh tra tỉnh tiếp nhận, giải quyết TTHC	89	0	89	85	85	0	04	04	0	
1	Lĩnh vực Giải quyết Khiếu nại	29	0	29	25	25	0	04	04	0	
2	Lĩnh vực Giải quyết Tố cáo	03	0	03	03	03	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Tiếp công dân	24	0	24	24	24	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Xử lý đơn thư	33	0	33	33	33	0	0	0	0	
XVII	TTHC do Sở Văn hóa Thể	332	0	332	332	332	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	thao và Du lịch tiếp nhận, giải quyết TTHC										
1	Lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn	125	0	125	125	125	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Quảng cáo	191	0	191	191	191	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Du lịch	06	0	06	06	06	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh	07	0	07	07	07	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Văn hoá cơ sở	03	0	03	03	03	0	0	0	0	
B	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	43.358	341	43.017	41.252	41.081	171	2.106	2.089	17	
1	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	14	0	14	14	13	01	0	0	0	
2	Lĩnh vực Hệ thống văn bản, chứng chỉ	89	0	89	89	89	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	61	0	61	61	61	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Đường thủy nội địa	23	0	23	23	23	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	517	0	517	511	508	03	06	06	0	
6	Lĩnh vực Đăng ký kinh doanh	834	0	834	833	833	0	01	01	0	
7	Lĩnh vực Lao động - tiền lương	09	0	09	09	09	0	0	0	0	
8	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	2.088	0	2.088	2.088	2.088	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
9	Lĩnh vực Người có công	1.573	0	1.573	1.560	1.560	0	13	13	0	
10	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng	70	0	70	70	70	0	0	0	0	
11	Lĩnh vực Tôn giáo	57	0	57	57	57	0	0	0	0	
12	Lĩnh vực Kế toán, kiểm toán	282	0	282	282	282	0	0	0	0	
13	Lĩnh vực Quản lý tài sản nhà nước	48	0	48	48	48	0	0	0	0	
14	Lĩnh vực Tài nguyên nước	50	0	50	50	50	0	0	0	0	
15	Lĩnh vực Môi trường	167	0	167	162	162	0	05	05	0	
16	Lĩnh vực Đất đai	21.688	341	21.347	19.634	19.495	139	2.054	2.037	17	
17	Lĩnh vực Viễn thông và Internet	06	0	06	06	06	0	0	0	0	
18	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	04	0	04	04	04	0	0	0	0	
19	Lĩnh vực Chứng thực	6.951	0	6.951	6.951	6.951	0	0	0	0	
20	Lĩnh vực Đăng ký giao dịch bảo đảm	6.795	0	6.795	6.795	6.780	15	0	0	0	
21	Lĩnh vực Hộ tịch	1.207	0	1.207	1.197	1.197	0	10	10	0	
22	Lĩnh vực Karaoke, Vũ trường	05	0	05	05	05	0	0	0	0	
23	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	98	0	98	98	98	0	0	0	0	
24	Lĩnh vực Xây dựng	655	0	655	638	625	13	17	17	0	
25	Lĩnh vực Tiếp công dân	64	0	64	64	64	0	0	0	0	
26	Lĩnh vực Y tế	03	0	03	03	03	0	0	0	0	
C	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	265.217	0	265.217	265.217	265.217	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số lý trước chuyên qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Lĩnh vực Công Thương	21	0	21	21	21	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	1.246	0	1.246	1.246	1.246	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực Đấu thầu	01	0	01	01	01	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	4.420	0	4.420	4.420	4.420	0	0	0	0	
5	Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em	513	0	513	513	513	0	0	0	0	
6	Lĩnh vực Người có công	475	0	475	475	475	0	0	0	0	
7	Lĩnh vực Việc làm	1.507	0	1.507	1.507	1.507	0	0	0	0	
8	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội	01	0	01	01	01	0	0	0	0	
9	Lĩnh vực Tôn giáo	10	0	10	10	10	0	0	0	0	
10	Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng	08	0	08	08	08	0	0	0	0	
11	Lĩnh vực Nông nghiệp	642	0	642	642	642	0	0	0	0	
12	Lĩnh vực Môi trường	41	0	41	41	41	0	0	0	0	
13	Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	14	0	14	14	14	0	0	0	0	
14	Lĩnh vực Hộ tịch	33.926	0	33.926	33.926	33.926	0	0	0	0	
15	Lĩnh vực Chứng thực	222.298	0	222.298	222.298	222.298	0	0	0	0	
16	Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	19	0	19	19	19	0	0	0	0	
17	Lĩnh vực Xây dựng	409	0	409	409	409	0	0	0	0	
18	Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng	35	0	35	35	35	0	0	0	0	
19	Lĩnh vực Hoà giải ở cơ sở	81	0	81	81	81	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng số	345.860	1.059	344.801	334.608	334.435	173	11.252	11.235	17	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thành Trí

SỐ TRĂNG



Số 07g/BTP/KSTT/KTTH
 ban hành theo Thông tư số
 20/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.
 Ngày nhận báo cáo (BC):

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI
 CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG TRONG
 GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: 06 tháng đầu năm 2017
 (Kèm theo Báo cáo số **93** /BC-UBND ngày **26** /**5** /2017 của
 Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Đơn vị báo cáo: UBND tỉnh Sóc Trăng
 Đơn vị nhận báo cáo:
 Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC)

I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Lĩnh vực Đất đai	17	a4x4;b2x13	
	Tổng số:	17		

II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH

a4x4:

STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc	Văn bản QPPL
(1)	(2)	(3)	(4)
	Lĩnh vực Đất đai		
	“Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định”.	Do cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa rõ ràng.	
	“Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa		

kê, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng”.		
--	--	--

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thành Trí